

**Bài 46** **ac ăc ắc**

**I MỤC TIÊU**

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng các vần *ac, ăc, ắc*; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu, đoạn có các vần *ac, ăc, ắc*; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng các vần *ac, ăc, ắc* (chữ cỡ vừa); viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần *ac, ăc, ắc*.
- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa các vần *ac, ăc, ắc* có trong bài học.
- Phát triển kỹ năng nói lời xin phép.
- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh vẽ phong cảnh.
- Cảm nhận được vẻ đẹp một vùng đất của Tổ quốc, từ đó yêu mến hơn quê hương, đất nước.

**II CHUẨN BỊ**

- Nắm vững đặc điểm phát âm; cấu tạo, quy trình và cách viết các vần *ac, ăc, ắc*. Hiểu rõ nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.
- Một số kiến thức về địa lý vùng Tây Bắc của đất nước: thời tiết, địa hình, thắng cảnh, cây trái đặc sản,...

**III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

**1. Khởi động**

Khởi động để tạo tâm thế cho giờ học đầu tuần.

**2. Nhận biết**

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh?* Một số (2 – 3) HS trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Tây Bắc/ có ruộng bậc thang/ có thác nước.*
- GV giới thiệu các vần mới *ac, ăc, ắc*. Viết tên bài lên bảng.

### 3. Đọc

#### a. Đọc vần

- So sánh các vần
  - + GV giới thiệu vần *ac*, *ăc*, *âc*.
  - + Một số (2 – 3) HS so sánh vần *ac*, *ăc*, *âc* để tìm ra điểm giống và khác nhau. GV nhắc lại điểm giống và khác nhau giữa các vần.
- Đánh vần các vần
  - + GV đánh vần mẫu các vần *ac*, *ăc*, *âc*.
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đánh vần. Mỗi HS đánh vần cả 3 vần.
  - + Lớp đánh vần đồng thanh 3 vần một lần.
- Đọc trơn các vần
  - + Một số (4 – 5) HS nối tiếp nhau đọc trơn vần. Mỗi HS đọc trơn cả 3 vần.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh 3 vần một lần.
- Ghép chữ cái tạo vần
  - + HS tìm chữ cái trong bộ thẻ chữ để ghép thành vần *ac*.
  - + HS tháo chữ *a*, ghép *ă* vào để tạo thành *ăc*.
  - + HS tháo chữ *ă*, ghép *â* vào để tạo thành *âc*.
- Lớp đọc đồng thanh *ac*, *ăc*, *âc* một số lần.

#### b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
  - + GV giới thiệu mô hình tiếng *thác*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *thác*.
  - + Một số (4 – 5) HS đánh vần tiếng *thác* (*thờ – ác – thác – sắc – thác*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng *thác*.
  - + Một số (4 – 5) HS đọc trơn tiếng *thác*. Lớp đọc trơn đồng thanh tiếng *thác*.
- Đọc tiếng trong SHS
  - + Đánh vần tiếng. GV đưa các tiếng có trong SHS. Mỗi HS đánh vần một tiếng nối tiếp nhau (số HS đánh vần tương ứng với số tiếng). Lớp đánh vần mỗi tiếng một lần.
  - + Đọc trơn tiếng. Mỗi HS đọc trơn một tiếng nối tiếp nhau, hai lượt.
  - + Mỗi HS đọc trơn các tiếng chứa một vần. Lớp đọc trơn đồng thanh một lần tất cả các tiếng.
  - + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
  - + HS tự tạo các tiếng có chứa vần *ac*, *ăc*, *âc*.
  - + GV yêu cầu 1 – 2 HS phân tích tiếng, 1 – 2 HS nêu lại cách ghép.

### c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: *bác sĩ, mắc áo, quả gấc*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *bác sĩ*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ ngữ *bác sĩ* xuất hiện dưới tranh. HS nhận biết tiếng chứa vần *ac* trong *bác sĩ*, phân tích và đánh vần tiếng *bác*, đọc trơn từ ngữ *bác sĩ*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *mắc áo, quả gấc*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 – 4 lượt HS đọc. 2 – 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

### d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

## 4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ viết các vần *ac, ăc, âc*.
- GV viết mẫu, vừa viết vừa nêu quy trình và cách viết các vần *ac, ăc, âc*.
- HS viết vào bảng con: *ac, ăc, âc, bác, mắc, gấc* (chữ cỡ vừa). HS có thể chỉ viết hai vần *ăc* và *âc* vì trong *ăc* đã có *ac*.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi chữ viết cho HS.

## TIẾT 2

## 5. Viết vở

- HS viết vào vở *Tập viết 1, tập một* các vần *ac, ăc, âc*; từ ngữ *mắc áo, quả gấc*.
- GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét và sửa bài của một số HS.

## 6. Đọc đoạn

- GV đọc mẫu cả đoạn.
- HS đọc thầm và tìm các tiếng có vần *ac, ăc, âc*.
- Một số (4 – 5) HS đọc trơn các tiếng mới. Mỗi HS đọc một hoặc tất cả các tiếng (với lớp đọc yếu, GV cho HS đánh vần tiếng rồi mới đọc). Từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh những tiếng có vần *ac, ăc, âc* trong đoạn văn một số lần.
- GV yêu cầu HS xác định số câu trong đoạn. Một số HS đọc thành tiếng nối tiếp từng câu (mỗi HS một câu), khoảng 1 – 2 lần. Sau đó từng nhóm rồi cả lớp đọc đồng thanh một lần.
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng cả đoạn.
- HS trả lời câu hỏi về nội dung đoạn văn:
  - + *Sa Pa ở đâu?*
  - + *Vào mùa hè, mỗi ngày, Sa Pa như có mấy mùa?*
  - + *Sa Pa có những gì?*

### 7. Nói theo tranh

- GV hướng dẫn HS quan sát và nói về tình huống trong tranh.
- HS làm việc nhóm đôi, đóng vai thực hành nói lời xin phép.
- Một số HS đóng vai thực hành nói lời xin phép trước cả lớp. GV và HS nhận xét.

### 8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa vần *ac*, *ăc*, *âc* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các vần *ac*, *ăc*, *âc* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.